

Bản án số: 285/2020/HC-PT

Ngày: 14/07/2020

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán:

ông Nguyễn Đắc Minh

bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Phụng, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 66/2020/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”;

Do bản án hành chính sơ thẩm số 110/2019/HC-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1193/2020/QĐ-PT ngày 25/06/2020 giữa các đương sự:

1/Người khởi kiện:

Bà Dương Thị K, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: 134 đường NHC, phường TN, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của bà Dương Thị K (văn bản ủy quyền có sự chứng nhận của Ủy ban nhân phường RD, thành phố VT vào ngày 30/06/2020):

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: xã HT, huyện KC, tỉnh Hưng Yên.

2/Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt);

Địa chỉ: 89 LTK, phường 1, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

-Ông Phạm Huy L, Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố VT, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (có mặt);

-Ông Đào Quang K, chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố VT, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu (có mặt);

Cùng địa chỉ: 89 LTK, phường 1, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977 (có mặt);

3.2/Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1973 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị S (văn bản ủy quyền có sự chứng nhận của Ủy ban nhân phường RD, thành phố VT vào ngày 30/06/2020):

Cùng địa chỉ: 134 đường NHC, phường TN, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Người kháng cáo:

Bà Dương Thị K, là người khởi kiện (do ông Nguyễn Văn Đ, là người đại diện).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, người khởi kiện bà Dương Thị K trình bày:

Vào năm 1988, vợ-chồng ông Đặng Quốc H-bà Dương Thị K khai hoang diện tích 12.278,1m² tại khu vực đường Lưu Chí Hiếu, phường TN, thành phố VT hiện nay.

Đến năm 1989, ông H-bà K xây dựng căn nhà tạm; đến năm 1992, xây căn nhà cấp 4 trên khu đất và sử dụng đất liên tục từ đó đến nay (đã được Ủy ban nhân dân phường TN xác nhận). Vào lúc ông H-bà K đến khai hoang và sau khi làm nhà ở nhiều năm, không có cơ quan chính quyền, đơn vị quân đội hay cá nhân nào đến thông báo hoặc ngăn cản việc khai hoang, xây dựng nhà.

Vị trí thửa đất nói trên thuộc thửa đất số 121; 122; 123 và 162 , tờ bản đồ số 29, bản đồ địa chính phường TN (bản đồ địa chính cũ); địa chỉ hiện nay là: 168/4 Lưu Chí Hiếu, phường TN, thành phố VT.

Đến năm 2007, ông H-bà K làm giấy (viết tay) chuyển nhượng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn Đ (đăng ký thường trú tại: Hồng Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên).

Vào ngày 31/05/2019, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố VT ra quyết định số 2507A/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, nhưng không bồi thường đất và vật kiến trúc trên đất; lý do mà UBND thành phố VT đưa ra là: phần đất nói trên là đất quốc phòng, do Trung đoàn E261 đăng ký trong sổ mục kê năm 1990. Sau đó, vào ngày 15/01/2019, UBND thành phố VT thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất, thu hồi tất cả tài sản của gia đình bà K có trên đất.

Vào ngày 29/03/2019, bà Dương Thị K có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

-Hủy quyết định số 2507A/QĐ-UBND ngày 31/05/2018 vì xác định nguồn gốc đất bị thu hồi không đúng đối tượng;

-Yêu cầu UBND thành phố VT phải bồi thường toàn bộ thiệt hại đối với những tài sản bị mất hoặc hư hỏng do việc cưỡng chế trái pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ-bà Nguyễn Thị S trình bày ý kiến như sau:

Ngày 10/12/2007, ông Đơ-i-bà Sàn lập hợp đồng mua phần đất có diện tích 12.278,1m² tại khu phố 3, phường TN, thành phố VT nói trên của ông H-bà K; vị trí thửa đất, tình trạng pháp lý thửa đất được thể hiện trong hợp đồng chuyển nhượng; hợp đồng không có sự xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Sau khi mua đất, ông Đơ-i vẫn để cho bà K tiếp tục trông coi đất; bà Sàn vẫn ra, vào thăm đất và đầu tư chăn nuôi trên đất; các tài sản trên đất được bà K liệt kê theo danh mục yêu cầu bồi thường trong biên bản cưỡng chế thu hồi đất ngày 18/04/2019. Như vậy, về thực tế, ông Đơ-i-bà Sàn mới là chủ sử dụng diện tích 12.278,1m², nhưng vào ngày 31/5/2018, UBND thành phố VT ban hành quyết định số 2570A/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án hỗ trợ và tái định cư cho bà K, là không đúng đối tượng.

Vì vậy, ông Đơ-i-bà Sàn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

-Hủy quyết định số 2507A/QĐ-UBND ngày 31/05/2018 vì xác định nguồn gốc đất bị thu hồi không đúng đối tượng;

-Yêu cầu UBND thành phố VT phải bồi thường toàn bộ thiệt hại đối với những tài sản bị mất hoặc hư hỏng do việc cưỡng chế trái pháp luật.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố VT trình bày ý kiến như sau:

Vào ngày 31/05/2018, UBND thành phố VT ra quyết định số 2507A/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Dương Thị K (địa chỉ: 168/4 Lưu Chí Hiếu, phường TN, thành phố VT) do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án “Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường TN, thành phố VT); nội dung chính của quyết định như sau:

-Diện tích đất bị thu hồi: 10.894,9m²; số thửa: 36; 48; 49; 56 bản đồ thu hồi đất hoặc số thửa: một phần thửa 08; một phần thửa 10 (mới); 29; 37 (mới) bản đồ phường TN 149; 153; 154;

-Tổng số tiền bồi thường là 78.050.330 đồng, bao gồm: bồi thường hoa màu, cây trái là 40.068.030 đồng; các hỗ trợ khác, là 30.982.300 đồng;

-Không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và kiến trúc xây dựng không hợp pháp trên đất;

-Về việc tái định cư: đã giao đất ở mới cho hộ bà K và phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN708304 ngày 05/12/2013.

Do hộ bà K không đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng, nên UBND thành phố VT đã ra quyết định số 6607/QĐ-UBND ngày 31/08/2018 để cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ bà K. Mặc dù bà K trình bày rằng đương sự đã bán đất (xác lập bằng bằng giấy viết tay) cho ông Đợi và bà Sàn diện tích đất nói trên, nhưng cả 2 bên đương sự đều không cung cấp giấy tờ mua-bán.

Theo hồ sơ địa chính, thì nguồn gốc khu đất số 02/11 đường Đống Đa, phường TN, thành phố VT có nguồn gốc là đất quốc phòng, do đơn vị E261 kê khai và có tên trong sổ mục kê năm 1990 đối với thửa đất số 162, tờ bản đồ số 02 (cũ); phần đất này bị gia đình ông H-bà K tự chiếm sử dụng bất hợp pháp.

Kết quả kiểm tra của các đoàn thanh tra theo báo cáo số: 1342/BC- TTr ngày 04/09/2009 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (BR-VT) và được UBND tỉnh BR-VT đồng ý với báo cáo kết quả thanh tra tại văn bản số 6711/UBND-VP ngày 21/10/2009, xác định như sau: thuộc khu vực 1: phần 2 “Khu đất này là đất quốc phòng là đúng quy định của pháp luật; trong khu vực này có 02 hộ là ông Nguyễn Văn Mến và bà Dương Thị K đang sử dụng không có giấy tờ hợp pháp; khi Nhà nước thu hồi đất, nếu có khó khăn về chỗ ở, thì nên giao chỗ ở mới cho họ”.

Đoàn thanh tra theo quyết định số 478/QĐ-UB ngày 14/09/1993 về việc thanh tra việc lấn chiếm đất quốc phòng tại đơn vị E261 đã nhận xét và kết luận như sau:

“Đối với UBND phường 9: Với 91 trường hợp do UBND phường 9 (cũ) cấp giấy chứng nhận đã đăng ký ruộng đất hoặc xác nhận vào đơn xin đăng ký sử dụng đất của dân, có 32 trường hợp tại đường Biệt chính được UBND phường 9 (cũ) xác nhận vào thời điểm từ tháng 11/1992 đến tháng 5/1993 là vi phạm nguyên tắc quản lý nhà nước về đất đai, đây là một việc làm thiếu tinh thần trách nhiệm, gây thiệt hại cho nhiều người, làm thất thoát đất nhà nước, cụ thể khu vực này trên bản đồ địa chính năm 1990 thể hiện đơn vị E261 đăng ký nhưng UBND phường 9 (cũ) vẫn xác nhận vào đơn với nội dung thiếu trách nhiệm, từ việc làm đó một số hộ lợi dụng chiếm đất quân sự để kinh doanh mua bán bất hợp pháp trực lợi cho cá nhân”.

Danh sách các hộ sử dụng đất do kết quả thanh tra, kiểm tra qua các năm: 1993, 1995, 2009; danh sách điều tra về chủ sử dụng đất để thực hiện việc kiểm kê thu hồi đất năm 2008, 2017, đã thống kê và ghi nhận cụ thể như sau:

-Danh sách của Đoàn thanh tra theo quyết định số 478/QĐ-UB ngày 14/09/1993 khu vực đường Biệt chính (nay là đường Lưu Chí Hiếu) có 48 hộ. Trong tổng số 48 hộ được các cấp chính quyền xác nhận gồm (Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng 01 trường hợp; Sở Thủy sản Nông nghiệp xác nhận đơn xin đất sử dụng 01 trường hợp; UBND thành phố VT cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất 05 trường hợp và xác nhận đơn chuyển nhượng thành quả lao động 06 trường hợp; UBND phường 9 xác nhận đơn xin xác nhận QSD đất 32 trường hợp; đơn vị E261 xác nhận giấy cho đất 03 trường hợp.

-Danh sách các hộ sử dụng đất theo báo cáo số: 113/BC-UB ngày 10/12/1995 của phường 9 (cũ).

-Danh sách điều tra chủ sử dụng dự án khu nhà ở D95 năm 2008 của Trung tâm phát triển quỹ đất.

-Danh sách chủ sử dụng đất dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư lập ngày 02/6/2017 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố VT.

Vì phần đất mà ông H-bà K chiếm hữu nói trên được xác định là đất không đủ điều kiện pháp lý để bồi thường, nên UBND thành phố VT đã ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

Quá trình giải quyết việc thu hồi đất liên quan hộ bà K như sau:

Vào ngày 19/10/2010, Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành quyết định số 4198/QĐ-UBND về việc thu hồi 9.249,8 m² đất tại phường TN, thành phố VT do ông H–bà K đang sử dụng, để đầu tư xây dựng khu nhà ở D95; vị trí khu đất thu hồi được xác định theo thửa số 48, 59, 60, 67/1, 95/1.

Ngày 28/10/2010, Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành quyết định số 4844/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Hồng –Kỳ, địa chỉ thu hồi đất tại phường TN, thành phố VT, do Nhà nước thu hồi đất và giao cho Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng 1, thành phố VT để xây dựng công trình khu nhà ở D95, phường TN, thành phố VT với số tiền bồi thường, hỗ trợ là 149.606.743 đồng.

Sau đó ông H – bà K có đơn khiếu nại quyết định số 4844/QĐ-UBND ngày 28/10/2010.

Vào ngày 18/01/2011, Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành quyết định số 336/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông H, nội dung là bác đơn và giữ nguyên quyết định số 4844/QĐ-UBND.

Ngày 02/05/2018, Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành quyết định số 1882/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ các quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 14/7/2010; 4198/QĐ-UBND ngày 19/10/2010; 4199/QĐ-UBND ngày 19/10/2010; 4842/QĐ-UBND ngày 28/10/2010; 4843/QĐ-UBND ngày 28/10/2010; 4844/QĐ-UBND ngày 28/10/2010; 1058/QĐ-UBND ngày 01/04/2011; 3336/QĐ-UBND ngày 18/01/2011 của Chủ tịch UBND thành phố VT về việc thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ để xây dựng khu nhà ở D95, phường TN và phường 10, thành phố VT với lý do: dự án khu nhà ở D95, phường TN, phường 10, thành phố VT của công ty TNHH Selangor đã chấm dứt hoạt động trước thời hạn. Do đó, ngày 23/10/2010 Chủ tịch UBND tỉnh BR–VT đã ban hành quyết định số 2407/QĐ-UBND về việc thu hồi hủy bỏ quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 29/7/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh BR–VT.

Ngày 23/6/2017, UBND thành phố VT ra thông báo số 3595/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư, phường TN, thành phố VT

Ngày 31/05/2018, UBND thành phố VT ra quyết định số 2507A/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định

cư cho ông (bà) Dương Thị K, lý do là: Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư phường TN, thành phố VT.

Theo quyết định nói trên, bà K bị thu hồi phần đất có diện tích 10.894,90 m² thuộc thửa 149, 153, 154, một phần thửa 08, một phần thửa 10 (mới); các thửa đất này có nguồn gốc do trung đoàn E261 đăng ký, có tên trong sổ mục kê năm 1990, là đất quốc phòng, hiện nay do Nhà nước quản lý.

Ngày 15/01/2019, cơ quan có thẩm quyền đã thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đã tổ chức việc thực hiện cưỡng chế thi hành quyết định số 6607/QĐ-UBND ngày 31/08/2018 của Chủ tịch UBND thành phố VT. Trong quá trình thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, tài sản của hộ bà K đã được Ban cưỡng chế thống kê, di chuyển ra khỏi thửa đất, đưa về khu lưu giữ tại UBND phường TN, thành phố VT và đã thông báo đến hộ bà K theo quy định.

Ngày 07/06/2019, UBND thành phố VT có văn bản số 2856/UBND-VP về việc giải quyết đơn của ông Đợi (ông Đợi khiếu nại quyết định số 2507A/QĐ-UBND ngày 31/05/2018 và Quyết định số 6607/QĐ-UBND ngày 31/08/2018 của Chủ tịch UBND thành phố VT). Ông Đợi cho rằng đương sự đã nhận chuyển nhượng thửa đất có diện tích 12.278,1 m² tọa lạc tại khu phố 3, phường TN, thành phố VT do ông, bà Hồng-Kỳ khai phá từ năm 1989 cho đến nay, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Đợi xuất trình hợp đồng (giấy viết tay) chuyển nhượng đất với bà K trong năm 2007.

Tuy nhiên, trong suốt quá trình thực hiện thu hồi đất của gia đình bà K (giai đoạn năm 2010-2013), gia đình bà K đã được giao 01 lô đất, hồ sơ bồi thường không thể hiện sự có liên quan đến quyền lợi của ông Đợi.

Qua kiểm tra hồ sơ, UBND thành phố VT xác định rằng bà K sử dụng đất thuộc thửa 162 tờ bản đồ số 02 (cũ). Theo sổ mục kê phường 9 vào năm 1990, có tên người kê khai là Trung đoàn E261, đất có nguồn gốc đất quốc phòng, hiện nhà nước quản lý, nhưng các hộ dân tự chiếm sử dụng không hợp pháp. Tại báo cáo số 1342/BC- TTr ngày 04/9/2009, Thanh tra tỉnh BR-VT cũng xác định như sau: *“Khu đất này là đất quốc phòng là đúng quy định của pháp luật, trong khu vực này có 02 hộ là ông Nguyễn Văn Mến và bà Dương Thị K đang sử dụng không có giấy tờ hợp pháp khi nhà nước thu hồi đất nếu có khó khăn về chỗ ở thì nên giao chỗ ở mới cho họ”*.

Tại biên bản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư ngày 09/2/2018, UBND phường TN xác nhận nguồn gốc sử dụng đất như sau: “Theo

hồ sơ kê khai của chủ hộ đất có nguồn gốc do ông, bà Đặng Quốc H – Dương Thị K khai phá sử dụng làm nhà ở từ năm 1989 đến nay (ông H đã chết)”. Tuy nhiên, diện tích đất thu hồi 10.894,9 m², hiện nay bà K đang sử dụng, là một phần trong tổng diện tích đất 147.160,0 m² do Trung đoàn E261 đăng ký thừa 163 cũ, tờ bản đồ số 02 cũ trong sổ mục kê năm 1990 thuộc khu vực 1. Phần 2 kết luận trong báo cáo số 1342/BC-TTr ngày 04/9/2009 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và UBND tỉnh BR-VT đồng ý với báo cáo kết quả của thanh tra, thể hiện tại văn bản số 6711/UBND-VP ngày 21/10/2009.

Với những ý kiến nói trên, UBND thành phố VT đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 110/2019/HC-ST ngày 27/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định như sau:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị K và yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị S, yêu cầu như sau:

-Tuyên hủy quyết định số 2507A/QĐ-UBND ngày 31/05/2018 của UBND thành phố VT về việc: *“Thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Dương Thị K, địa chỉ: 168/7 Lưu Chí Hiếu, phường TN để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường TN, thành phố VT”* vì đã xác định nguồn gốc đất bị thu hồi không đúng đối tượng;

-Yêu cầu UBND thành phố VT phải bồi thường toàn bộ thiệt hại đối với những tài sản bị mất hoặc hư hỏng do cưỡng chế trái pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/12/2019, bà K là người khởi kiện, do ông Đợi đại diện, có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm; nội dung kháng cáo như sau:

-Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy quyết định số 2507A/QĐ-UBND ngày 31/05/2018 của UBND thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

-Yêu cầu UBND thành phố VT phải bồi thường toàn bộ thiệt hại đối với những tài sản bị mất hoặc hư hỏng do cưỡng chế trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà K vắng mặt nhưng có người đại diện là ông Đợi, có mặt tham gia tố tụng; người đại diện của bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã nói trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày ý kiến như sau:

-Các ý kiến mà bà K nêu ra, là không đúng. Phần đất mà bà K sử dụng, rồi chuyển nhượng cho ông Đợi, là đất do Nhà nước quản lý, là đất quốc phòng, do trung đoàn E261 kê khai và có tên trong sổ mục kê từ năm 1990. Trong quá trình quản lý, có một số hộ dân đã vào chiếm dụng đất bất hợp pháp, trong đó có hộ bà K.

Do đó, việc UBND thành phố VT ra quyết định số 2507A/QĐ-UBND ngày 31/05/2018 của UBND thành phố VT về việc: *“Thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Dương Thị K, địa chỉ: 168/7 Lưu Chí Hiếu, phường TN để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường TN, thành phố VT”* là đúng quy định của pháp luật đất đai.

Với ý kiến nói trên, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

-Về thủ tục tố tụng:

Tòa án các cấp, các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật;

-Về nội dung giải quyết vụ án:

Vào ngày 31/5/2018, UBND thành phố VT ra quyết định số 2507A/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 78.050.330 đồng, tổng diện tích đất thu hồi 10.894,9m² (không bồi thường) đối với hộ bà K; diện tích đất này thuộc thửa 149, 153, 154, một phần thửa 08, một phần thửa 10 (mới), có nguồn gốc do trung đoàn E261 đăng ký, có tên trong sổ mục kê năm 1990, có nguồn gốc đất quốc phòng, hiện Nhà nước quản lý. Hộ bà K cũng đã được cấp phần đất ở nơi khác và đang sử dụng hợp pháp.

Trong thời gian chiếm dụng đất nói trên, bà K lập giấy viết tay chuyển nhượng cho ông Đợi-bà Sần; việc chuyển nhượng như vậy là trái quy định của pháp luật về đất đai.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, không chấp nhận yêu cầu của ông Đợi-bà Sần, là có căn cứ pháp luật.

Bà K kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì mới, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào ngày 31/05/2018, UBND thành phố VT ra quyết định số 2507A/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Dương Thị K (tại địa chỉ: 168/4 Lưu Chí Hiếu, phường TN, thành phố VT) do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án “Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phường TN, thành phố VT”; nội dung chính của quyết định 2507A/QĐ-UBND như sau:

-Diện tích đất bị thu hồi: 10.894,9m²; số thửa: 36; 48; 49; 56 bản đồ thu hồi đất hoặc số thửa: một phần thửa 08; một phần thửa 10 (mới); 29; 37 (mới) bản đồ phường TN 149; 153; 154;

-Tổng số tiền bồi thường là 78.050.330 đồng, bao gồm: bồi thường hoa màu, cây trái là 40.068.030 đồng; các hỗ trợ khác, là 30.982.300 đồng;

-Không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất và kiến trúc xây dựng không hợp pháp trên đất;

-Về việc tái định cư: đã giao đất ở mới cho hộ bà Dương Thị K và phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN708304 ngày 05/12/2013.

[2] Bà Dương Thị K không đồng ý với quyết định số 2507A/QĐ-UBND ngày 31/05/2018 của UBND thành phố VT và khởi kiện, yêu cầu hủy bỏ quyết định này.

Tuy nhiên, căn cứ tài liệu, chứng cứ của vụ án, Tòa án có căn cứ xác định rằng yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị K là không đúng pháp luật; lý do như sau:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ bà Dương Thị K:

Theo hồ sơ địa chính thì khu đất tại phường TN, thành phố VT nói trên có nguồn gốc là đất quốc phòng, do đơn vị E261 kê khai, đăng ký và đứng tên trong sổ mục kê năm 1990 thửa đất số 162, tờ bản đồ số 02 (cũ). Trong thời gian vừa qua, gia đình ông Đặng Văn Hồng – bà Dương Thị K tự chiếm sử dụng không có căn cứ pháp luật.

Kết quả của quá trình kiểm tra của các đoàn thanh tra tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cũng xác định sự việc như đã nói trên. Theo báo cáo số 1342/BC- TTr ngày 04/09/2009 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và được UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đồng ý với báo cáo kết quả thanh tra tại văn bản số 6711/UBND-VP ngày 21/10/2009, cũng đã xác định rằng “*Khu đất này là đất quốc phòng là*

đúng quy định của pháp luật, trong khu vực này có 02 hộ là ông Nguyễn Văn Mến và bà Dương Thị K đang sử dụng không có giấy tờ hợp pháp khi nhà nước thu hồi đất nếu có khó khăn về chỗ ở thì nên giao chỗ ở mới cho họ”.

Trước đây, vào ngày 19/10/2010, Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành quyết định số 4198/QĐ-UBND về việc thu hồi 9.249,8 m² đất tại phường TN, thành phố VT do ông, bà Đặng Quốc H – Dương Thị K đang sử dụng để đầu tư xây dựng khu nhà ở D95; theo đó vị trí ranh giới khu đất thu hồi được xác định theo thửa số 48, 59, 60, 67/1, 95/1. Đến ngày 28/10/2010 Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 4844/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông (bà) Đặng Quốc H – Dương Thị K với số tiền bồi thường, hỗ trợ là 149.606.743 đồng.

Tuy nhiên, sau đó, vào ngày 02/5/2018, Chủ tịch UBND thành phố VT ban hành quyết định số 1882/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ các quyết định số 882/QĐ-UBND ngày 14/7/2010; 4198/QĐ-UBND ngày 19/10/2010; 4199/QĐ-UBND ngày 19/10/2010; 4842/QĐ-UBND ngày 28/10/2010; 4843/QĐ-UBND ngày 28/10/2010; 4844/QĐ-UBND ngày 28/10/2010; 1058/QĐ-UBND ngày 01/04/2011; 3336/QĐ-UBND ngày 18/01/2011 của Chủ tịch UBND thành phố VT về việc thu hồi đất, phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ để xây dựng Khu nhà ở D95, phường TN và phường 10, thành phố VT với lý do: dự án Khu nhà ở D95, phường TN, phường 10, thành phố VT của công ty TNHH Selangor đã chấm dứt hoạt động trước thời hạn. Do đó, ngày 23/10/2010 Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 2407/QĐ-UBND về việc thu hồi hủy bỏ Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 29/7/2009 của Chủ tịch UBND Tỉnh.

Đến ngày 23/06/2017, UBND thành phố VT có Thông báo số 3595/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư, phường TN, thành phố VT và đến ngày 31/05/2018, UBND thành phố VT có quyết định số 2507A/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông (bà) Dương Thị K, địa chỉ 168/7 Lưu Chí Hiếu, phường TN, thành phố VT do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư phường TN, thành phố VT.

Báo cáo số 1342/BC-TTr ngày 04/9/2009 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, và kết luận số 6711/UBND-VP ngày 21/10/2009 của UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cũng đều xác định rằng diện tích đất bị thu hồi 10.894,9 m² mà bà

Dương Thị K đang sử dụng, là một phần trong tổng diện tích 147.160,0 m² đất do Trung đoàn E261 đăng ký thửa 163 cũ, tờ bản đồ số 02 cũ trong sổ mục kê năm 1990, xác định nguồn gốc đất quốc phòng, nên không đủ điều kiện bồi thường cho hộ bà Dương Thị K.

Xét đối với ông Nguyễn Văn Đ, đương sự cho rằng vào năm 2007, đã nhận chuyển nhượng thửa đất có diện tích 12.278,1 m² tọa lạc tại khu phố 3, phường TN, thành phố VT từ ông, bà Đặng Quốc H – Dương Thị K. Tuy nhiên, trong suốt quá trình UBND thành phố VT thực hiện việc thu hồi đất của gia đình bà Dương Thị K (giai đoạn năm 2010-2013), hồ sơ bồi thường không thể hiện có sự liên quan đến ông Nguyễn Văn Đ. Mặt khác, giao dịch chuyển nhượng đất (nếu có) giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị K là một giao dịch dân sự khác, không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận. Xét về mặt thực tế, các cơ quan có thẩm quyền tại thành phố VT đã thực hiện xong việc cưỡng chế, thu hồi đất đối với bà Dương Thị K từ tháng 01/2019. Hiện nay, nếu cho rằng quyền lợi bị thiệt hại, thì ông Nguyễn Văn Đ phải khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tại vụ án khác.

[3] Với những tài liệu, chứng cứ đã phân tích nói trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị K và không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ-bà Nguyễn Thị S, là đúng pháp luật.

Bà Dương Thị K kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì mới, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 203; Điều 220; Điều 241; Điều 242 của Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án;

1/Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị K; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 110/2019/HC-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2/Về án phí phúc thẩm: bà Dương Thị K phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số TU/2019/0003309 ngày 06/12/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (do ông Nguyễn Văn Đ nộp thay); bà Dương Thị K đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT, (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng